

Bản án số: 112/2025/DS-ST

Ngày: 17-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc, yêu
cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do
người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Đông

Bà Trương Thị Thu Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 15 Thành Phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thanh Trúc- kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 901/2024/TLST-DS ngày 28/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐXXST-DS ngày 01/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Minh K, sinh năm 1988; thường trú: Tổ B, ấp E, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai); địa chỉ liên hệ: Số B, đường C, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đoàn Ngân H, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã C, tỉnh Khánh Hòa); địa chỉ liên hệ: số B đường C, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Trần Thị Quỳnh N, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai) có đơn xin giải quyết vắng mặt.

1.2. Ông Cao Minh K1, sinh năm 1980; thường trú: Số A (Số H), đường T, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Anh T, sinh năm 1985; địa

chỉ: Số A (Số H), đường T, khu phố N, phường B, TP D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) là người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Minh K1 (theo văn bản ủy quyền ngày 19/6/2024) có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Nguyễn Minh T1, sinh ngày 04/6/2005;

2.2. Nguyễn Minh N1, sinh ngày 08/3/2009;

2.3. Nguyễn Minh C, sinh ngày 05/12/2012.

Cùng thường trú: Số A, Đường D, Khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ liên hệ: Số C, tổ A, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của cháu N1, cháu C: Bà Bùi Thị Kim X; sinh năm 1980; địa chỉ liên hệ: Số C, tổ A, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh). Là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt

2.4. Nguyễn Minh Tường A, sinh ngày 20/6/2013; địa chỉ: Số H, đường D Khu dân cư P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của cháu A: Bà Nhữ Thị Trúc L, sinh năm 1981; địa chỉ liên hệ: Số F T, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Là người đại diện theo pháp luật. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày:** Nguyên trước đây, vào ngày 27/11/2021, nguyên đơn ông Cao Minh K1 và bà Nguyễn Thị Minh K cùng ông Nguyễn Văn V (là người được bà Vũ Thị H1 uỷ quyền theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 09/6/2020) ký kết Giấy đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với các nội dung như sau: Nguyên đơn đặt cọc cho ông Nguyễn Văn V số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 10, tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng đo vẽ số 280/HĐCN/21LT do Văn phòng Đ Chi nhánh L1, đo vẽ. Cụ thể: Bà Nguyễn Thị Minh K nhận chuyển nhượng phần diện tích đất 1.890m², ông Cao Minh K1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 2.000m² thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 10, tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Thỏa thuận giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên là 1.450.000.000 đồng/m². Thời hạn đặt cọc là khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đo vẽ có bản vẽ hiện trạng thửa đất, các bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại văn phòng C1. Phạt hợp đồng: Nếu nguyên đơn không tiếp tục thực hiện hợp đồng thì phải chịu mất tiền cọc. Nếu ông V không tiếp tục thực hiện hợp đồng thì ông V phải chịu phạt gấp 02 lần số tiền đã nhận cọc. Ngay khi ký Giấy đặt cọc trên, nguyên đơn đã đặt cọc số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) bằng tiền mặt cho ông V, ông V đã xác nhận tại phần

ký tên trong Giấy đặt cọc này. Theo thỏa thuận, ông Nguyễn Văn V tiến hành các thủ tục đo vẽ đề chuẩn bị ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nguyên đơn. Nhưng do gặp một số trở ngại nên ông V vẫn chưa thể hoàn tất thủ tục pháp lý, nguyên đơn tin tưởng nên tiếp tục chờ ông V hoàn tất các thủ tục để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Đến tháng 02/2023, nguyên đơn bất ngờ nhận được thông tin ông Nguyễn Văn V đã chết do đột quỵ trong khi chưa thực hiện xong việc chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa đất cho các nguyên đơn. Hiện bà Vũ Thị H1 là người uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn V được toàn quyền chuyển nhượng đối với thửa đất nguyên đơn đã đặt cọc nêu trên đã chấm dứt Hợp đồng uỷ quyền với ông V.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tuyên chấm dứt Giấy đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/11/2021 ký kết giữa bà Nguyễn Thị Minh K, ông Cao Minh K1 và ông Nguyễn Văn V;

Buộc những người thừa kế của ông Nguyễn Văn V là anh Nguyễn Minh T1, cháu Nguyễn Minh N1, cháu Nguyễn Minh C (người đại diện theo pháp luật của hai cháu N1 và C là bà Bùi Thị Kim X) và cháu Nguyễn Minh Tường A (người đại diện theo pháp luật của cháu A là bà Nhữ Thị Trúc L) thực hiện nghĩa vụ của ông V là hoàn trả cho bà K, ông K1 số tiền đã đặt cọc là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng theo Giấy đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/11/2021 với ông Nguyễn Văn V."

*** Bị đơn Nguyễn Minh T1 và cháu Nguyễn Minh N1, Nguyễn Minh C do bà Bùi Thị Kim X là người đại diện theo pháp luật của cháu N1 và cháu C:** Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

*** Bị đơn Cháu Nguyễn Minh Tường A do bà Nhữ Thị Trúc L là người đại diện theo pháp luật trình bày:** Tờ tường trình và cam kết của bà Nguyễn Thị Minh K và ông Cao Minh K1 nộp cho Tòa án ngày 19 tháng 5 năm 2023 trình bày bà K và ông K1 đã đưa cho ông Nguyễn Văn V 1.000.000.000 đồng (Một tỉ đồng chẵn) bằng tiền mặt là gian dối. Ông V không nhận tiền từ bà K và ông K1 nên ông V không viết giấy nhận tiền. Vì vậy, bà K và ông K1 không cung cấp cho Tòa án được giấy nhận tiền của ông V. Bà K và ông K1 đã làm giả hợp đồng đặt cọc, giả chữ viết của ông V trong hợp đồng đặt cọc. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp bà L thấy rằng nguyên đơn đã có sự gian dối trong khai báo, làm giả tài liệu, chứng cứ. Nếu trong quá trình tố tụng, phía nguyên đơn có thay đổi lời khai và bổ sung chứng cứ, bà L đề nghị nguyên đơn cung cấp đầy đủ sao kê giao dịch chuyển khoản. Bà L không yêu cầu giám định chữ ký.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Minh K1 đối với bị đơn bị đơn anh Nguyễn Minh T1, cháu Nguyễn Minh N1, cháu Nguyễn Minh C, cháu Nguyễn Minh Tường A là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn V về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Buộc bị đơn anh Nguyễn Minh T1, cháu Nguyễn Minh N1, cháu Nguyễn Minh C, cháu Nguyễn Minh Tường A là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm liên đới trả cho ông Cao Minh K1 số tiền cọc 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) trong phạm vi di sản của ông V chết để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa: Bà Lê Thị Anh T, bà Đoàn Ngân H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Minh T1, bà Bùi Thị Kim X là người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Minh N1, Nguyễn Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Riêng cháu Nguyễn Minh T2 do bà Nhữ Thị Trúc L là người đại diện theo pháp luật và bà Nguyễn Thị Minh K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

[2.1] Về việc chấm dứt giấy đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/11/2021 ký kết giữa bà Nguyễn Thị Minh K, ông Cao Minh K1 và ông Nguyễn Văn V. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy Giấy đặt cọc được ký kết giữa ông Cao Minh K1 với ông Nguyễn Văn V để chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 10, tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng đo vẽ số 280/HĐCN/21LT do Văn phòng Đ Chi nhánh L1, đo vẽ. Bà Nguyễn Thị Minh K nhận chuyển nhượng phần diện tích đất 1.890m², ông Cao Minh K1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 2.000m² thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 10, tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, mục đích và nội dung của thỏa thuận đặt cọc không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tại thời điểm giao kết hợp

đồng các bên đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên căn cứ vào Điều 117, Điều 294, Điều 295 và Điều 328 của Bộ luật Dân sự thì Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/12/2020 phát sinh hiệu lực đối với các bên. Ngày 13/02/2023 ông V chết, nguyên đơn yêu cầu những người thừa kế của ông V chấm dứt giấy đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/11/2021 ký kết giữa bà Nguyễn Thị Minh K, ông Cao Minh K1 và ông Nguyễn Văn V là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại số tiền cọc 1.000.000.000đồng theo giấy đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/11/2021

Xét thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 328 của bộ luật dân sự năm 2015 quy định “...nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng đặt cọc thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Như vậy việc ký kết Giấy đặt cọc giữa các bên nhằm giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 2.000m² thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 10, tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Bà Nguyễn Thị Minh K nhận chuyển nhượng phần diện tích đất 1.890m², ông Cao Minh K1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 2.000m² bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của ông V. Qua sao kê tài khoản của bà T cung cấp chuyển cho ông V cũng thể hiện ngày 29/11/2021 bà T đã chuyển vào tài khoản của ông V số tiền 500.000.000đồng. Kể từ ngày 29/11/2021 đến ngày ông V chết giữa ông V và bà K, ông K1 không phát sinh giao dịch nào. Điều này chứng tỏ, ông V đã nhận từ bà K số tiền cọc tiền 500.000.000đồng. Sau khi ông V chết, những người thừa kế của ông V chưa trả số tiền cọc cho ông K1 và bà K nên việc bà K, ông K1 khởi kiện yêu cầu những người thừa kế của ông V trả lại số tiền cọc đã nhận 500.000.000đ là phù hợp với Điều 328, 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Đối với số tiền 500.000.000đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh K giao cho ông Nguyễn Văn V nhưng không có giấy tờ chứng minh, bị đơn do bà L đại diện không thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu số tiền 500.000.000đồng này đối với nguyên đơn.

[3] Qua thu thập chứng cứ theo tờ tường trình quan hệ nhân thân cũng như phần trình bày của bà L thì hàng thừa kế thứ nhất của ông V gồm có Nguyễn Minh T1, cháu Nguyễn Minh N1, cháu Nguyễn Minh C, cháu Nguyễn Minh Tường A, ngoài người con này thì ông V không còn người con nào khác. Cha mẹ của ông V là ông Nguyễn Văn D đã chết năm 2015, mẹ là bà Bùi Thị X, chết năm 2007. Bà Bùi Thị Kim X là vợ ông Nguyễn Văn V nhưng đã ly hôn ngày 02/7/2013, bà Nhữ Thị Trúc L sống chung với ông V nhưng không đăng ký kết hôn.

Ông Nguyễn Văn V đã chết theo trích lục khai tử số 13 ngày 13/02/2023 của UBND phường P nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông V là Nguyễn Minh T1, cháu Nguyễn Minh N1, cháu Nguyễn Minh C, cháu Nguyễn Minh Tường A

phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền 500.000.000đ trong phạm vi di sản của ông Nguyễn Văn V chết để lại.

[4] Từ phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn Nguyễn Minh T1, cháu Nguyễn Minh N1, cháu Nguyễn Minh C, cháu Nguyễn Minh Tường A là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn V.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát là phù hợp.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn anh Nguyễn Văn T3 phải chịu trong phạm vi di sản ông V để lại. Riêng cháu Nguyễn Minh N1, cháu Nguyễn Minh C, cháu Nguyễn Minh Tường A thuộc trường hợp được miễn theo quy định tại điểm e, khoản 1 Điều 11 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì người đề nghị đề được miễn án phí phải có đơn yêu cầu nộp cho Tòa án nhưng cháu Nguyễn Minh N1, cháu Nguyễn Minh C do bà X là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập họp lệ mà vắng mặt không có lý do và cũng không có đơn yêu cầu đề nghị được miễn án phí nên cháu N1 và cháu C phải chịu án phí trong phạm vi di sản ông V để lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 328, 357, 468, 615 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Minh K1, Nguyễn Thị Minh K đối với bị đơn anh Nguyễn Minh T1, cháu Nguyễn Minh N1, cháu Nguyễn Minh C, cháu Nguyễn Minh Tường A là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn V về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*”.

2. Chấm dứt Giấy đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/11/2021 ký kết giữa bà Nguyễn Thị Minh K, ông Cao Minh K1 và ông Nguyễn Văn V.

3. Buộc bị đơn anh Nguyễn Minh T1, cháu Nguyễn Minh N1, cháu Nguyễn Minh C, cháu Nguyễn Minh Tường A là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm liên đới trả cho ông Cao Minh K1 số tiền cọc

500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) trong phạm vi di sản của ông Nguyễn Văn V chết để lại.

4. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh K, ông Cao Minh K1 đối với bị đơn anh Nguyễn Minh T1, cháu Nguyễn Minh N1, cháu Nguyễn Minh C, cháu Nguyễn Minh Tường A là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn V về việc trả lại số tiền cọc 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng)

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Minh T1, cháu Nguyễn Minh N1, cháu Nguyễn Minh C là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm liên đới nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) trong phạm vi di sản của ông Nguyễn Văn V chết để lại.

- Cháu Nguyễn Minh Tường A thuộc trường hợp miễn án phí.

- Hoàn trả lại cho ông Cao Minh K1 và bà Nguyễn Thị Minh K số tiền 21.600.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000674 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một

6. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự (hoặc người đại diện đương sự) có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Khu vực 15 Thành phố HCM
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh
(Phòng THADS Khu vực 15 Thành phố HCM)
- Đương sự;
- Lưu: HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong